

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 diễn ra trong bối cảnh diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 cả trong nước và trên thế giới. Nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép” là vừa quyết liệt phòng chống dịch với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đời sống Nhân dân. Trong đó, kiểm soát dịch bệnh là ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhất nhằm đảm bảo sức khỏe Nhân dân, đảm bảo ổn định, an toàn xã hội; đồng thời thực hiện hiệu quả các giải pháp giảm thiểu thiệt hại đối với nền kinh tế, duy trì và phục hồi sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành, sự nỗ lực của mọi người dân, kết quả kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn thu được những kết quả tích cực, công tác an sinh xã hội được quan tâm.

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 tăng 4,24% so với năm 2019, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,15%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,76%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 3,03%. Tuy mức tăng trưởng năm 2020 thấp hơn so với năm 2019, nhưng vẫn tăng cao hơn so với mức tăng trưởng chung của cả nước.

Quy mô GRDP năm 2020 theo giá hiện hành đạt 116 nghìn tỷ đồng GRDP bình quân đầu người đạt 88,7 triệu đồng/người/năm, tăng 5,2 triệu đồng/người/năm so với năm 2019. Về cơ cấu kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy

sản chiếm tỷ trọng 11,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 58%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm tỷ trọng 30,5%; trong đó riêng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 4%.

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm

Năm 2020, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 15,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,02% so năm 2019. Thu trong cân đối trên địa bàn đạt 15,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 13,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,13% và chiếm 83,9% so tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu hải quan đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% so cùng kỳ.

Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 sơ bộ đạt 13,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so năm 2019. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 4,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,8% và chiếm 21,5% tổng chi. Chi thường xuyên đạt 9 nghìn tỷ đồng, tăng 4,6% so năm 2019, chiếm 1,9% cơ cấu chi; chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so năm 2019.

Năm 2020 toàn tỉnh có 1.660,4 nghìn lượt người tham gia các loại bảo hiểm, giảm 0,7% so với năm 2019. Trong đó, bảo hiểm xã hội có 236,5 nghìn lượt người tham gia, giảm 0,6%; bảo hiểm y tế có 1.215,5 nghìn lượt người tham gia, tăng 0,01%; bảo hiểm thân thể có 208,4 nghìn lượt người tham gia, giảm 4,9% so năm 2019.

Tổng thu bảo hiểm năm 2020 đạt 5.622,9 tỷ đồng, trong đó, thu bảo hiểm xã hội đạt 3.774,7 tỷ đồng tăng 2,9% so năm 2019; bảo hiểm y tế đạt 1.569,9 tỷ đồng, tăng 4,9%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 278 tỷ đồng, tăng 1,9% so năm 2019. Tổng chi bảo hiểm năm 2020 đạt 6.209 tỷ đồng, trong đó, tổng chi bảo hiểm xã hội đạt 4.635,3 tỷ đồng, bảo hiểm y tế đạt 1.451,6 tỷ đồng, bảo hiểm thất nghiệp đạt 122,2 tỷ đồng.

3. Đầu tư

Năm 2020 mặc dù các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn trên địa bàn đã cơ bản hoàn thiện và đi vào sản xuất nên vốn đầu tư của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài năm 2020

giảm 4,3% so với cùng kỳ nhưng tình hình thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn của khu vực vốn trong nước tăng 4,9% so với cùng kỳ, nên tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2020 tăng so với cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2020 theo giá hiện hành đạt 41,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2019, bằng 35,5% GRDP; bao gồm: vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 29,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% và chiếm gần 72% tổng vốn đầu tư trên địa bàn (vốn khu vực Nhà nước 7,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7% tổng vốn; khu vực ngoài Nhà nước gần 22 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,2%); còn lại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 28,1% tổng mức đầu tư trên địa bàn), giảm 4,3% cùng kỳ.

Năm 2020 trên địa bàn có 20 dự án FDI cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 365,9 triệu USD, tương đương so với cùng kỳ về số dự án và giảm 2,12 triệu USD về vốn đăng ký so với năm 2019. Tính chung tổng số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép và còn hiệu lực tính đến hết năm 2020 là 162 dự án với số vốn đăng ký đạt 8.415,4 triệu USD và vốn thực hiện đạt 7.806 triệu USD; trong đó, nhà đầu tư Hàn Quốc có 112 dự án; Hong Kong có 12 dự án và Trung Quốc có 11 dự án...

4. Chỉ số giá

Mặc dù trong những tháng cuối năm chỉ số giá tiêu dùng đang có xu hướng tăng chậm lại (quý III tăng 4,8%; quý IV tăng 0,53% so với cùng kỳ) nhưng do chỉ số giá quý I và quý II năm 2020 duy trì ở mức cao (chỉ số giá quý I tăng 7,29%, chỉ số giá quý II tăng 5,26%) nên chỉ số giá bình quân năm 2020 tăng 4,05% so với bình quân cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu khiến cho chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng cao hơn so cùng kỳ là do giá nhóm thực phẩm tăng 18,62%, kéo theo giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 6,5%.

Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,05% so với bình quân cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 14,96% (do nhóm thực phẩm tăng 18,62%; nhóm thịt chế biến tăng 26,21%; nhóm dầu mỡ và chất béo khác tăng 29,58%);

nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,8% (do giá dịch vụ y tế tăng 2,84%); nhóm giáo dục tăng 4,37% (do nhóm dịch vụ giáo dục tăng 4,79%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,91%... còn lại 3/11 nhóm có chỉ số giá bình quân giảm so với cùng kỳ như nhóm giao thông (-10,36%); nhóm bưu chính viễn thông (-0,22%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (-0,82%).

Chỉ số giá vàng: bình quân 12 tháng năm 2020 chỉ số giá vàng tăng 26,72% so với cùng kỳ. Riêng tháng 12/2020 chỉ số giá vàng có xu hướng giảm so với tháng trước (-0,67%), nguyên nhân chủ yếu do biến động thất thường của giá vàng thế giới; so với cùng kỳ năm 2019 chỉ số giá vàng tăng 29,49%.

Chỉ số giá Đô la Mỹ: bình quân 12 tháng năm 2020 tăng 0,16% so với bình quân cùng kỳ. Riêng tháng 12/2020 giảm 0,19% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ.

5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra Doanh nghiệp năm 2020, tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã trên toàn tỉnh tại thời điểm 01/01/2020 là 3.771 doanh nghiệp, hợp tác xã thực tế đang hoạt động, tăng 115 doanh nghiệp so với cùng thời điểm năm 2019.

Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp và hợp tác xã tính đến thời điểm 01/01/2020 là 205,2 nghìn người, giảm 4,8% so với năm trước, trong đó, số lao động thuộc khu vực kinh tế trong nước là 100,7 nghìn người, giảm 3,4% so với năm trước và lao động khu vực FDI là 105 nghìn người, giảm 6,1% so cùng kỳ (trong đó, số lao động nữ là 76,8 nghìn người giảm 7,7% so với cùng kỳ). Số lao động bình quân trong 1 doanh nghiệp là 54 người, giảm 5 người/1 doanh nghiệp so với năm trước. Số doanh nghiệp có dưới 50 lao động chiếm 97,5% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có từ 500 lao động trở lên chỉ chiếm 1% tổng số doanh nghiệp.

Quy mô nguồn vốn hoạt động của các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tính đến thời điểm 01/01/2020 là 497,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm trước. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 66%

tổng vốn; tiếp đến là khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng 29,4% và khu vực doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng thấp nhất với 4,6%. Quy mô nguồn vốn bình quân/1 doanh nghiệp 124,3 tỷ đồng, tăng 1,7% so cùng kỳ, trong đó doanh nghiệp trong nước là 43,8 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI là 3.109 tỷ đồng/doanh nghiệp. Số doanh nghiệp có vốn dưới 10 tỷ chiếm 64,2% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có số vốn từ 50 tỷ trở lên chiếm 11,1% tổng số doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân 1 lao động/1 tháng trong năm 2019 là 9,4 triệu đồng, trong đó thu nhập bình quân/1 lao động của doanh nghiệp Nhà nước là 9,9 triệu đồng/người/tháng, của doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 7,3 triệu đồng/người/tháng và của doanh nghiệp FDI là 10,9 triệu đồng/tháng. So với năm 2018, thu nhập bình quân 1 lao động/tháng của năm 2019 cao hơn 483 nghìn đồng (do khu vực trong ngoài nhà nước tăng 888 nghìn đồng/lao động/tháng, còn khu vực FDI tăng 343 nghìn đồng/người/tháng).

6. Kết quả sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2020 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 14.060,1 tỷ đồng, tăng 4,3% so với năm 2019. Trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 13.016,9 tỷ đồng (+3,9%); ngành lâm nghiệp đạt 559,4 tỷ đồng (+9,7%); ngành thủy sản đạt 483,8 tỷ đồng (+8,1%). Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 92,6% (trong đó, ngành trồng trọt chiếm 42,7%; ngành chăn nuôi chiếm 47,8%), tiếp đến là ngành lâm nghiệp chiếm 3,8%, còn lại là ngành thủy sản.

Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2020 đạt 460,2 nghìn tấn, giảm 3,7 nghìn tấn (-0,8%) so với năm 2019; trong đó sản lượng lúa đạt 383,4 nghìn tấn, giảm 1,3 nghìn tấn và sản lượng ngô đạt 76,8 nghìn tấn, giảm 2,5 nghìn tấn.

Tổng diện tích chè hiện có tính đến cuối năm 2020 là 22.399 ha, tăng 0,5% (+117 ha) so cùng kỳ, trong đó diện tích chè cho sản phẩm là 19.754 ha, giảm 1,6% (-328 ha). Năng suất chè bình quân

chung đạt 123,74 tạ/ha, tăng 4,6 tạ/ha nên sản lượng chè búp tươi đạt 244,3 nghìn tấn, tăng 5,2 nghìn tấn (+2,2%) so với sản lượng năm 2019

Năm 2020 hoạt động chăn nuôi trên địa bàn gặp nhiều khó khăn như dịch lở mồm, long móng trên đàn trâu, bò; dịch tả lợn Châu Phi; giá thức ăn chăn nuôi tăng, giá lợn giống ở mức cao do nguồn cung hạn chế; dịch cúm gia cầm xảy ra tại một số tỉnh lân cận gây ảnh hưởng đến tâm lý người chăn nuôi... Tuy nhiên, do có những giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả nên sản xuất chăn nuôi trong năm 2020 vẫn đạt được những kết quả nhất định. Và Ngành trồng trọt tuy diện tích gieo trồng giảm nhưng do đẩy mạnh thâm canh nên năng suất thu hoạch tăng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp trồng trọt.

Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung trên địa bàn năm 2020 là 4.721 ha, giảm 675 ha (-12,5%) so với diện tích trồng mới năm 2019 (bao gồm 4.274 ha rừng sản xuất; 447 ha rừng phòng hộ). Trong đó, các doanh nghiệp do trung ương quản lý trồng mới 137 ha; diện tích rừng trồng mới theo dự án bảo vệ và phát triển rừng đạt 1.597 ha, diện tích rừng trồng mới do dân tự trồng đạt 2.987 ha. Sản lượng gỗ khai thác đạt 190,5 nghìn m³ gỗ tròn các loại, tăng 9,6% so với năm 2019.

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 là 5.957 ha, tăng 34 ha so với năm 2019 và chủ yếu là nuôi quảng canh chiếm 73,6% và còn lại khoảng 26,4% là nuôi thâm canh hoặc bán thâm canh.

- Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong năm 2020 chịu tác động tiêu cực bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm 2020. Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 giảm 3,2% so với cùng kỳ (là năm duy nhất trong 10 năm trở lại đây có giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ). Tuy nhiên, sang quý III sản xuất công nghiệp dần được phục hồi và dần lấy lại được đà tăng trưởng của thời kỳ trước dịch bệnh khi chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2020 tăng 12,6%; Quý IV/2020 tăng 10,9%.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp cả năm 2020 tăng 4,45% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,7% (do nhóm ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy gấp gần 2 lần; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 34,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 16,1%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 7,3%; ngành khai khoáng giảm 9,6%.

- Thương mại

Hoạt động thương mại, dịch vụ nói chung trong năm 2020 cũng chịu tác động trực tiếp từ dịch bệnh Covid-19 khi trong nhiều tháng liên tiếp giảm sâu so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh và áp dụng nhiều biện pháp kích cầu tiêu dùng hiệu quả kết hợp với “mùa” mua sắm cuối năm nên nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân đã tăng trở lại, góp phần lấy lại đà tăng trưởng của khu vực dịch vụ nói chung.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt trên 40 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá thì tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 giảm 0,2% so với năm 2019). Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 2 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 37,9 nghìn tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 94,7% tổng mức), tăng 3,7% so với cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 88,7 tỷ đồng, giảm 20,1%.

- Xuất, nhập khẩu

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2020 chịu tác động mạnh mẽ từ dịch bệnh Covid-19 khi bị hạn chế cả ở phía cung và phía cầu. Nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất bị hạn chế; nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường, đặc biệt là các đối tác thương mại lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc bị sụt giảm nghiêm trọng. Mặc dù trong Quý III và Quý IV, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa có dấu hiệu phục hồi nhưng tính chung cả năm, giá trị xuất khẩu và nhập khẩu vẫn giảm so với cùng kỳ.

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2020 đạt 24,4 tỷ USD, giảm 11,9% so cùng kỳ; trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 24 tỷ USD (chiếm 98,1% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 11,7% so với cùng kỳ; xuất khẩu địa phương là 137 triệu USD, giảm 21,8% so năm 2019.

Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2020 ước đạt 14,5 tỷ USD, giảm 7,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 14,3 tỷ USD, giảm 7% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 98,7% tổng giá trị nhập khẩu.

7. Một số vấn đề xã hội

- Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình tỉnh Thái Nguyên năm 2020 là gần 1.308 nghìn người; tăng 16,9 nghìn người (+1,31%) so với năm 2019. Dân số nam là 639 nghìn người (chiếm 48,9%); dân số nữ 669 nghìn người, chiếm 51,1%.

Tổng tỷ suất sinh năm 2020 đạt 2,16 con/phụ nữ, tiếp tục duy trì ở mức sinh thay thế. Tỷ suất sinh thô là 15,82‰; tỷ suất chết thô là 6,6‰. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 13,75‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 20,63‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 9,22‰. Tuổi thọ trung bình của dân số toàn tỉnh là 73,7 năm, trong đó nam là 71,4 năm và nữ là 76,4 năm.

Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 770 nghìn người, giảm 7 nghìn người so với năm 2019. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2020 đạt 758 nghìn người; trong đó lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 293,4 nghìn người, chiếm 38,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng 261,6 nghìn người, chiếm 34,5%; khu vực dịch vụ 203 nghìn người, chiếm 26,8%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 là 1,7%, trong đó, khu vực thành thị là 2,32%, khu vực nông thôn là 1,46%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 là 2,3%, trong đó, khu vực thành thị là 2,69% và khu vực nông thôn là 2,15%. So với năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp

của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 cao hơn 0,09 điểm phần trăm, tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn 1,33 điểm phần trăm.

- Đời sống dân cư

Năm 2020 là năm cả nước chịu tác hại nặng nề do đại dịch Covid-19 gây ra làm ảnh hưởng lớn đến đời sống toàn bộ nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tỷ lệ thất nghiệp tăng, thu nhập bị ảnh hưởng nhưng với sự nỗ lực của nhân dân và toàn bộ chính quyền tỉnh, đời sống nhân dân duy trì được ổn định và tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội đảm bảo. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,39 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,37 triệu đồng/người/tháng so với năm 2019. Trong đó, khu vực thành thị đạt 6,02 triệu đồng/người/tháng, khu vực nông thôn đạt 3,54 triệu đồng/người/tháng.

Trên địa bàn tỉnh năm 2020 xảy ra 22 đợt thiên tai, tăng 9 đợt thiên tai so năm 2019. Trong đó có 05 đợt bão, lốc xoáy và 17 vụ mưa lớn gây lũ quét. Thiệt hại 02 người chết, 16 người bị thương, Số nhà bị sập đổ, cuốn trôi, thiệt hại hoàn toàn là 17 ngôi nhà, 3.405 ngôi nhà bị ngập nước, sạt lở, tốc mái, hư hạ, và nhiều tài sản hoa màu khác. Ước tổng thiệt hại về tài sản khoảng 64,9 tỷ đồng. Ngành chức năng đã huy động lực lượng địa phương tại chỗ, phương tiện giúp nhân dân khắc phục thiệt hại, vệ sinh môi trường, đảm bảo ổn định đời sống của nhân dân.

- Trật tự và an toàn xã hội

Năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 165 vụ tai nạn giao thông, làm chết 60 người và 151 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2019, giảm 03 vụ (-1,79%), số người bị chết giảm 07 người (-10,45%) và số người bị thương tăng 02 người (-1,31%). Trong đó, địa bàn xảy ra nhiều vụ tai nạn nhất là thành phố Thái Nguyên với 64 vụ (chiếm 38,8% tổng số), làm 14 người chết (chiếm 23,3%) và 54 người bị thương (chiếm 35,7%). Tình hình an toàn giao thông đường sắt, đường thủy ổn định, không xảy ra tai nạn giao thông.

Năm 2020, trên địa bàn tỉnh xảy ra 76 vụ cháy (giảm 37 vụ, tương đương giảm 32,7% so cùng kỳ) làm 03 người bị thương, không có người chết. Tuy giảm về số vụ cháy nhưng giá trị thiệt

hại về tài sản lớn. Ước tính tổng giá trị tài sản thiệt hại khoảng trên 70 tỷ đồng (tăng 61 tỷ so với cùng kỳ năm trước).

Khái quát lại, Năm 2020 các cấp, các ngành đã tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra trong các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 và thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, cải thiện môi trường đầu tư tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kinh tế - xã hội năm 2020 trên địa bàn tỉnh đạt được tăng trưởng. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt mức tăng khá so với cùng kỳ và cao hơn bình quân chung cả nước. Đây là kết quả của sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SO VỚI NĂM TRƯỚC
Growth rate of some main indicators compared to the previous year (%)

